TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2017/HNGĐ - ST
Ngày 30-10- 2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hg Ngọc Thụ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đỗ Huy Hg
Ông Trần Đăng Khoa
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lương Khánh Sơn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 137/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1852/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 6 ngách 2 ngõ 40 Quang Đàm, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Hải Phòng. Có mặt

Bị đơn: Anh D, sinh năm 1987; hiện cư trú: 8252 Spring Bloossom Drive Niagara Fall, Ontario, L2h 3G4 Canada. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Bùi H trình bày: Chị và anh Dkết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 28/01/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở Việt Nam được 1 thời gian ngắn sau đó anh Dvề nước để làm thủ tục bảo lãnh cho chị nhưng do điều kiện kinh tế không đảm bảo nên cơ quan có thẩm quyền Canada từ chối, do xa cách về địa lý dẫn đến bất đồng quan điểm sống, lối sống khả năng đoàn tụ không có. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không thể đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai của bị đơn gửi về Tòa án, anh Dtrình bày: Anh thống nhất về quá trình kết hôn, lý do xin ly hôn do bất đồng quan điểm sống,lối sống,

khả năng đoàn tụ không có. Về con chung, tài sản chung: Vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Dở nước ngoài nên theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được, trong quá trình giải quyết vụ án anh đề nghị được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Bùi H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn vì chị cho rằng vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Bùi H và anh Dcùng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn của anh chị. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Bị đơn hiện đang cư trú tại Canada vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi H và anh Dkết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 28/01/2010, theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh Dquay về Canada để H tất thủ tục bảo lãnh cho chị H nhưng do điều kiện kinh tế nên Cơ quan có thẩm quyền Canada từ chối cho chị H sang đoàn tụ được. Do xa cách về địa lý, khả năng đoàn tụ không có dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, do đó cả chị H và anh Dcùng có đơn đề nghị xin ly hôn để giải phóng cho nhau. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi H và anh Dmục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Bùi H.

[3]. Về con chung và tài sản chung: Chị Bùi H và anh Dkhông có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi H và anh Dđược quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi H được ly hôn anh D

2. Về con chung và tài sản chung: Chị Bùi H và anh Dkhông có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi H phải chịu 300.000đ(*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm . Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0003929 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Bùi H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

+ Anh Dđược quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

+ Chị Bùi H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hg Ngọc Thụ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Khoa **Đỗ Huy Hg** **Hg Ngọc Thụ**